

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS) – ACETIC ACID 3%

### Mục 1: Nhận dạng hóa chất

- Tên hóa chất: ACETIC ACID 3%
- Công thức phân tử:  $\text{CH}_3\text{COOH}$
- CAS: 64-19-7
- Dạng: Lỏng không màu, mùi chua nhẹ
- Sử dụng: Phòng thí nghiệm, dung dịch chuẩn, thực phẩm (pha loãng)
- Nhà cung cấp:**
  - Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
  - Mã số thuế: 0314051291
  - Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP.HCM, Việt Nam
  - Số điện thoại khẩn cấp: 0909.907.861 (Giờ hành chính)

### Mục 2: Nhận dạng mối nguy hại

#### Phân loại theo GHS:

- GHS05 – Ăn mòn
- GHS07 – Dấu chấm than

#### Câu cảnh báo (H-codes):

- H315:** Gây kích ứng da
- H319:** Gây kích ứng mắt

#### Câu phòng ngừa (P-codes):

- P264:** Rửa tay kỹ sau khi thao tác
- P280:** Mang găng tay và kính bảo hộ
- P302+P352:** Nếu tiếp xúc với da: Rửa kỹ bằng xà phòng và nước
- P305+P351+P338:** Nếu dính vào mắt: Rửa nhẹ nhàng bằng nước trong vài phút, bỏ kính áp tròng nếu có

### Mục 3: Thành phần

Thành phần	CAS	Nồng độ
Axit Acetic	64-19-7	3%
Nước	7732-18-5	~97%

### Mục 4: Biện pháp sơ cấp cứu

- Hít phải: Di chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da: Rửa bằng nhiều nước nếu kích ứng xảy ra
- Tiếp xúc mắt: Rửa ngay bằng nước sạch, đến cơ sở y tế nếu cần
- Nuốt phải: Súc miệng, không gây nôn, đưa đến cơ sở y tế nếu cần

### Mục 5: Biện pháp chữa cháy

- Phương tiện: Bột,  $\text{CO}_2$ , bột khô
- Nguy cơ: Không cháy nhưng có thể làm tăng cháy nếu tiếp xúc với chất dễ cháy
- Bảo hộ: Kính, găng tay, quần áo chống cháy

### Mục 6: Biện pháp ứng phó sự cố

- Ngăn chặn tràn lan, dùng vật liệu hấp thụ trung tính
- Không đổ vào cống rãnh hoặc nguồn nước

### Mục 7: Xử lý và bảo quản

- Sử dụng: Nơi thông thoáng, tránh hít hơi
- Bảo quản: Bình kín, nơi mát, tránh ánh sáng trực tiếp

---

**Mục 8: Kiểm soát phơi nhiễm / bảo hộ cá nhân**

- Mắt: Kính bảo hộ kín
- Da: Găng tay chống hóa chất
- Hô hấp: Không cần nếu trong phòng thoáng khí

---

**Mục 9: Tính chất lý hóa**

- Trạng thái: Lỏng không màu
- Mùi: Chua nhẹ
- Nhiệt độ sôi: ~100°C (pha loãng)
- Nhiệt độ nóng chảy: ~0°C
- Độ tan trong nước: Tan hoàn toàn
- pH (dung dịch 1 M): ~4.5–5.0

---

**Mục 10: Tính ổn định và phản ứng**

- Ổn định trong điều kiện bình kín
- Tránh nhiệt, lửa, hợp chất oxi hóa mạnh

---

**Mục 11: Thông tin độc tính**

- Độc tính rất thấp ở nồng độ này
- Gây kích ứng da và mắt nhẹ

---

**Mục 12: Thông tin sinh thái**

- Pha loãng nên ít tác động sinh thái
- Dễ phân hủy sinh học

---

**Mục 13: Xử lý chất thải**

- Thu gom vào thùng chịu hóa chất
- Pha loãng và xả theo quy định

---

**Mục 14: Vận chuyển**

- UN Number: Không áp dụng (dung dịch ≤5%)
- Loại nguy hiểm: Không phân loại
- Tuân thủ vận chuyển nội địa

---

**Mục 15: Thông tin quy định**

- Tuân thủ TCVN 9487:2012
- Hóa chất pha loãng, nguy cơ thấp, cần bảo quản thông thường

---

**Mục 16: Thông tin khác**

- Ngày phát hành SDS: 26/11/2025
- Tham khảo: GHS Purple Book, Sigma-Aldrich SDS, PubChem
- Ghi chú:
  - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
  - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
  - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế